



THE  
WORLD  
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

# BẢN TIN TUẦN

Tuần 46 (từ 12/11 – 16/11/2018)



## ĐIỂM TIN

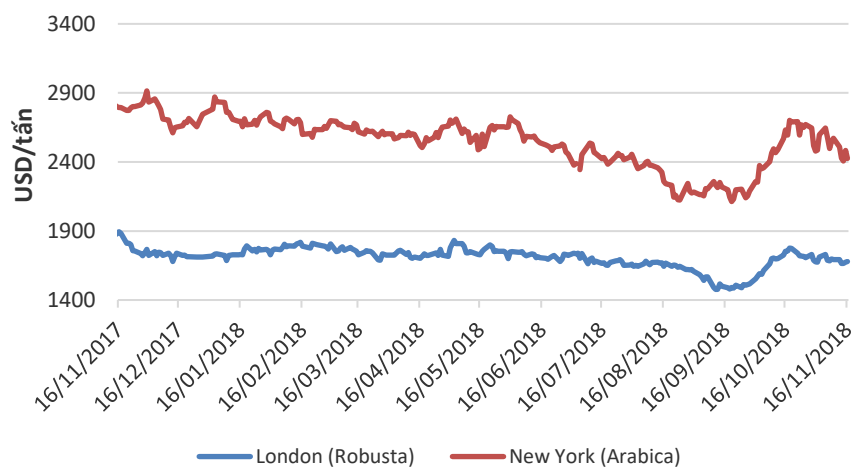
Giá cà phê Robusta tuần này giảm 1,4% so với tuần trước

Giá cà phê Arabica tuần này giảm 4,6% so với tuần trước

Cà phê dự trữ tại các kho Hoa Kỳ đến cuối tháng 10/2018 ở mức 6,17 triệu bao.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, [www.theice.com](http://www.theice.com)

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.675,2 USD/tấn, giảm 1,4% so với tuần trước và thấp hơn 10,8% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.693 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.664 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.451 USD/tấn, giảm 4,6% so với tuần trước và thấp hơn 12,5% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất



trong tuần đạt 2.510 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.407,4 USD/tấn [1].

Giá cà phê tuần qua tiếp tục quay về xu hướng giảm sau một tuần chững lại. Theo chuyên gia trong ngành nhận định, thời điểm giữa vụ thu hoạch cà phê tại Việt Nam, quốc gia trồng cà phê lớn thứ hai thế giới, giá cà phê thường có xu hướng xuống thấp. Trong thời gian tới, giá cà phê sẽ khó có thay đổi tích cực hơn khi lượng hàng từ vụ thu hoạch này được xuất khẩu sang các thị trường tiêu thụ. [2]

Theo báo cáo của Hiệp hội Cà Phê Xanh Hoa Kỳ, cà phê dự trữ tại các kho nước này đến cuối tháng 10/2018 ở mức 6,17 triệu bao, giảm 261,3 nghìn bao (tương đương 4,06%) so với cuối tháng trước. Lượng tồn kho này chưa bao gồm 1,1 triệu bao trong các container cà phê chưa được bàn giao theo báo cáo tại các cảng. Với mức tiêu thụ ước khoảng 570 nghìn bao một tuần tại Hoa Kỳ và Canada, lượng tồn kho này đủ cung cấp cho hơn 12 tuần cho hoạt động rang xay tại khu vực Bắc Mỹ và được coi là ở mức rất an toàn. Trong các tháng tới, lượng tồn kho này sẽ không có nhiều triển vọng tăng lên khi vụ mùa thu hoạch tại Mexico tại Trung Mỹ hiện đang bị trễ một tháng so với thời vụ hàng năm.

Theo báo cáo, nguyên nhân vụ mùa thu hoạch tại khu vực Mexico và Trung Mỹ đến muộn do niên vụ 2018, hoa cà phê tại khu vực này nở muộn vào tháng 3, thời tiết gần đây lại lạnh và ẩm ướt. Điều này khiến cà phê chín muộn ở cả khu vực vùng thấp và vùng cao. Năm nay, cà phê từ vụ thu hoạch mới sẽ được xuất khẩu vào tháng 2 thay vì tháng 1 như các năm trước.



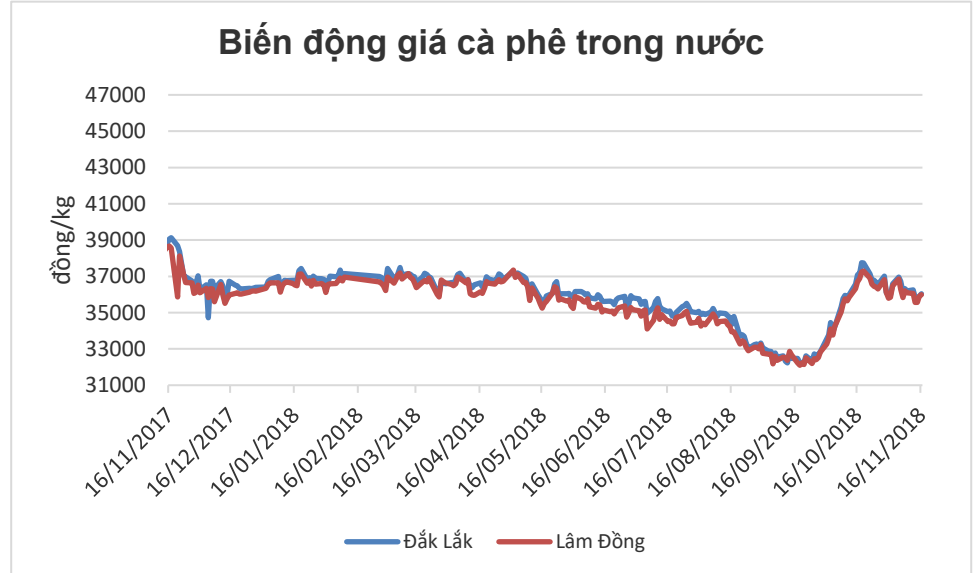
## ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần trước.

Giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm 1,3% so với tuần trước xuống còn 1.559 USD/tấn.

Xuất khẩu cà phê tháng 10 năm 2018 ước đạt 126 nghìn tấn với giá trị đạt 224 triệu USD.

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này đảo chiều, tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 35.950 đồng/kg, giảm 520 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 11,3% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giảm 430 đồng so với tuần trước, xuống còn 35.820 đồng/kg, và thấp hơn 9,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này giảm 1,3% so với tuần trước xuống còn 1.559 USD/tấn và vẫn thấp hơn 5,7% so với cùng kỳ năm 2017 [5].

Giá cà phê trong nước biến động tăng giảm, đảo chiều liên tục trong suốt tuần. Tuy nhiên giá giảm là xu hướng chung, diễn ra hàng năm khi thu hoạch cà phê trong nước vào chính vụ.

Theo kinh nghiệm của các nhà vườn, năm nay mưa nhiều nên cà phê không lo tình trạng thiếu nước và phát triển tốt, do đó sản lượng sẽ cao hơn năm trước. Từ nhiều tháng nay các chuyên gia nhận định sản lượng cà phê trong nước sẽ đạt hơn 30 triệu bao. Tuy nhiên, giá cà phê xuống thấp nhất trong 4 năm qua đã dấy lên lo ngại được mùa nhưng mất giá đang



tái lập. [8].

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, xuất khẩu cà phê tháng 10 năm 2018 ước đạt 126 nghìn tấn với giá trị đạt 224 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,57 triệu tấn và 2,98 tỷ USD, tăng 21,3% về khối lượng và tăng 0,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trong tháng 10, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng cà phê sang hầu hết các thị trường tăng 61,7 usd so với tháng trước, lên mức 1.819 USD/tấn. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2018 đạt 1.901 USD/tấn, giảm 16,2% so với cùng kỳ năm 2017 (giá xuất khẩu bình quân được tính bao gồm cả cà phê nhân xô, cà phê rang xay và cà phê chế biến).

Bộ Công thương cho biết, nhập khẩu cà phê của Tây Ban Nha từ Việt Nam tăng mạnh, trong khi nhập khẩu từ các thị trường lớn khác giảm, khiến thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Tây Ban Nha tăng từ 36,7% trong 7 tháng năm 2017, lên 45,6% trong 7 tháng năm 2018. Trong khi đó, thị phần cà phê của Braxin tại Tây Ban Nha giảm từ 14,5% xuống còn 12,8% trong 7 tháng năm 2018. [9]

### **Nguồn tham khảo:**

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. [Vietnambiz.vn](http://Vietnambiz.vn)
- [10]. [Vinanet.vn](http://Vinanet.vn)



## Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
<b>Đắk Lắk</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	36.233	35.767	35.767	35.967	36.033	36.233
Ea H'leo (xô vối)	36.367	35.867	35.900	35.933	36.167	36.367
Krông Năng (xô vối)	36.167	35.833	35.667	35.833	35.933	36.167
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	36.600	36.100	36.100	36.300	36.400	36.600
Ea H'leo (xô vối)	36.600	36.200	36.100	36.200	36.500	36.600
Krông Năng (xô vối)	36.400	36.000	35.800	36.000	36.100	36.400
<b>Lâm Đồng</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	35.900	35.300	35.300	35.800	35.867	35.900
Di Linh (xô vối)	35.500	35.000	35.000	35.300	35.400	35.500
Lâm Hà (xô vối)	36.800	36.400	36.400	36.600	36.700	36.800
Đà Lạt (xô chè)	51.000	50.000	49.000	51.000	50.000	51.000
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	36.400	35.800	35.733	36.300	36.367	36.400
Di Linh (xô vối)	36.000	35.500	35.500	35.800	35.900	36.000
Lâm Hà (xô vối)	37.400	37.000	37.000	37.200	37.300	37.400
Đà Lạt (xô chè)	52.000	51.000	50.000	52.000	51.000	52.000
<b>Đắk Nông</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	36.500	35.800	35.800	35.850	36.200	36.500
Đắk R'lấp (xô vối)	36.267	35.667	35.433	35.767	35.967	36.267
Đắk Song (xô vối)	36.350	35.750	35.500	35.850	36.050	36.350
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	36.700	36.100	36.100	36.150	36.500	36.700



Đắk Lắk (xô vối)	36.567	35.967	35.733	36.067	36.267	36.567
Đắk Song (xô vối)	36.650	36.050	35.800	36.150	36.350	36.650
<b>Gia Lai</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	36.275	35.600	35.600	35.800	35.800	36.275
Plei ku (xô vối)	36.100	28.775	35.700	35.900	35.900	36.100
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	36.750	36.200	36.200	36.367	36.367	36.750
Pleiku (xô vối)	36.667	36.233	36.233	36.500	36.500	36.667
<b>Kon Tum</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	36.000	35.600	35.400	35.600	35.800	36.000
Đắk Hà (xô vối)	35.900	35.550	35.350	35.550	35.650	35.900
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	36.100	35.700	35.500	36.400	35.900	36.100
Đắk Hà (xô vối)	36.100	35.700	35.500	35.700	35.850	36.100

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)

